

BÁO CÁO
Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri liên quan đến việc
hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh, sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp xã

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (viết tắt là ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 2222/UBND-NC ngày 18/4/2025 về việc tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, phường về kết quả lấy ý kiến cử tri đối với việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, UBND thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri có liên quan đến việc hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh, sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp xã trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi như sau:

I. VIỆC HỢP NHẤT TỈNH KON TUM VÀ TỈNH QUẢNG NGÃI VÀ ĐẶT TÊN LÀ TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Kết quả lấy ý kiến			
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)	Số cử tri đại diện hộ gia đình không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)
1.	Xã Tịnh Khê	3.583	3.421	95,5%	3.403	100.00%	0	0.00%
2.	Xã Tịnh Long	2.016	1.905	94,5%	1.898	99.95%	1	0.05%
3.	Xã Tịnh Thiện	1.979	1.866	94,3%	1.858	99.57%	8	0.43%
4.	Xã Tịnh Châu	1.749	1.688	96,5%	1.681	99.59%	7	0.41%
5.	Phường Trương Quang Trọng	4.509	4.341	96,3%	4.307	99.33%	29	0.67%
6.	Xã Tịnh Ấn Tây	2.633	2.324	88,3%	2.320	99.83%	4	0.17%

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Kết quả lấy ý kiến			
		<i>Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách</i>	<i>Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý</i>	<i>Tỷ lệ kết quả đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)</i>	<i>Số cử tri đại diện hộ gia đình không đồng ý</i>	<i>Tỷ lệ kết quả không đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)</i>
7.	Xã Tịnh Ấn Đông	1.722	1.722	100,0%	1.719	99.88%	2	0.12%
8.	Xã Tịnh An	2.243	2.103	93,8%	2.098	99.76%	5	0.24%
9.	Xã An Phú	6.129	5.981	97,6%	5.931	99.38%	37	0.62%
10.	Xã Nghĩa Hà	3.594	3.594	100,0%	3.545	98.64%	49	1.36%
11.	Xã Nghĩa Đồng	2.719	2.373	87,3%	2.328	98.52%	35	1.48%
12.	Xã Nghĩa Dũng	2.103	1.894	90,1%	1.892	99.89%	2	0.11%
13.	Phường Trần Hưng Đạo	2.215	2.164	97,7%	2.164	100.00%	0	0.00%
14.	Phường Nguyễn Nghiêm	2.154	1.796	83,4%	1.796	100.00%	0	0.00%
15.	Phường Chánh Lộ	4.007	3.723	92,9%	3.723	100.00%	0	0.00%
16.	Phường Nghĩa Chánh	4.684	3.381	72,2%	3.380	99.97%	1	0.03%
17.	Phường Lê Hồng Phong	2.508	2.373	94,6%	2.362	99.54%	11	0.46%
18.	Phường Trần Phú	4.351	3.995	91,8%	3.984	99.72%	11	0.28%
19.	Phường Quảng Phú	6.157	5.869	95,3%	5.851	99.69%	18	0.31%
20.	Phường Nghĩa Lộ	5.402	4.505	83,4%	4.494	99.76%	11	0.24%
21.	Xã Tịnh Hòa	2.723	2.723	100,0%	2.703	99.38%	17	0.63%
22.	Xã Tịnh Kỳ	2.365	2.365	100,0%	2.345	99.15%	20	0.85%
*	TPQN	71.545	66.106	92,4%	65.782	99.59%	268	0.41%

II. VIỆC SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐVHC CẤP XÃ TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Kết quả lấy ý kiến			
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)	Số cử tri đại diện hộ gia đình không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)
I	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập 04 xã: Tịnh Châu, Tịnh Thiện, Tịnh Long, Tịnh Khê	9.327	8.880	95,2%	8.818	99,57%	38	0,43%
1	Xã Tịnh Khê	3.583	3.421	95,5%	3.397	99,82%	6	0,18%
2	Xã Tịnh Long	2.016	1.905	94,5%	1.891	99,58%	8	0,42%
3	Xã Tịnh Thiện	1.979	1.866	94,3%	1.850	99,14%	16	0,86%
4	Xã Tịnh Châu	1.749	1.688	96,5%	1.680	99,53%	8	0,47%
II	Thành lập phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập 01 phường, 03 xã: Trương Quang Trọng, Tịnh Ấn Tây, Tịnh Ấn Đông, Tịnh Ấn	11.107	10.490	94,4%	10.448	99,66%	36	0,34%
	P.Trương Quang Trọng	4.509	4.341	96,3%	4.311	99,42%	25	0,58%
	Xã Tịnh Ấn Tây	2.633	2.324	88,3%	2.320	99,83%	4	0,17%
	Xã Tịnh Ấn Đông	1.722	1.722	100,0%	1.719	99,88%	2	0,12%
	Xã Tịnh Ấn	2.243	2.103	93,8%	2.098	99,76%	5	0,24%
III	Thành xã An Phú trên cơ sở nhập 04 xã: Nghĩa Đồng, Nghĩa Dũng, Nghĩa Hà, An Phú	14.545	13.842	95,2%	13.576	98,18%	252	1,82%
	Xã An Phú	6.129	5.981	97,6%	5.928	99,33%	40	0,67%
	Xã Nghĩa Hà	3.594	3.594	100,0%	3.542	98,55%	52	1,45%
	Xã Nghĩa Đồng	2.719	2.373	87,3%	2.224	93,76%	148	6,24%
	Xã Nghĩa Dũng	2.103	1.894	90,1%	1.882	99,37%	12	0,63%

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Kết quả lấy ý kiến			
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)	Số cử tri đại diện hộ gia đình không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/ Tổng phiếu hợp lệ (%)
IV	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập 04 phường: Nguyễn Nghiêm, Chánh Lộ, Nghĩa Chánh, Trần Hưng Đạo	13.060	11.064	84,7%	11.056	99,93%	8	0,07%
	Phường Trần Hưng Đạo	2.215	2.164	97,7%	2.163	99,95%	1	0,05%
	Phường Nguyễn Nghiêm	2.154	1.796	83,4%	1.791	99,72%	5	0,28%
	Phường Chánh Lộ	4.007	3.723	92,9%	3.723	100,00%	0	0,00%
	Phường Nghĩa Chánh	4.684	3.381	72,2%	3.379	99,94%	2	0,06%
V	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập 04 phường: Lê Hồng Phong, Trần Phú, Nghĩa Lộ, Quảng Phú	18.418	16.742	90,9%	16.583	99,05%	159	0,95%
	Phường Lê Hồng Phong	2.508	2.373	94,6%	2.304	97,09%	69	2,91%
	Phường Trần Phú	4.351	3.995	91,8%	3.956	99,02%	39	0,98%
	Phường Quảng Phú	6.157	5.869	95,3%	5.841	99,52%	28	0,48%
	Phường Nghĩa Lộ	5.402	4.505	83,4%	4.482	99,49%	23	0,51%
VI	Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập 06 xã: Bình Hiệp, Bình Thanh, Bình Tân Phú, Bình Châu, Tịnh Hoà, Tịnh Kỳ	5.088	5.088	100%	2.565	50,44%	2.520	49,56%
	Xã Tịnh Hòa	2.723	2.723	100%	2.434	89,49%	286	10,51%
	Xã Tịnh Kỳ	2.365	2.365	100%	131	5,54%	2.234	94,46%

(có biểu tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri kèm theo)

III. Ý KIẾN KHÁC

1. Đối với Đề án hợp nhất tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi và đặt tên là tỉnh Quảng Ngãi:

Cử tri tại 22 xã, phường thuộc Thành phố Quảng Ngãi thống nhất cao (đạt 99.6%), không có ý kiến khác.

2. Đối với Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi

Hầu hết cử tri của 21/22 xã, phường đều thống nhất (đạt từ 89,5% trở lên); **riêng xã Tịnh Kỳ, đa số cử tri không thống nhất** (có 2.234/2.365 cử tri, tỷ lệ 94,46%) đối với Đề án thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập 06 xã (Bình Hiệp, Bình Thanh, Bình Tân Phú, Bình Châu, Tịnh Hoà, Tịnh Kỳ).

Các ý kiến tham gia của cử tri tập trung vào một số nhóm vấn đề sau:

2.1. Ý kiến của cử tri xã Tịnh Kỳ:

Đề án thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập 06 xã (Bình Hiệp, Bình Thanh, Bình Tân Phú, Bình Châu, Tịnh Hoà, Tịnh Kỳ), trụ sở đóng tại xã Bình Tân Phú, với tổng diện tích tự nhiên 119,181km² và quy mô dân số 67.711 người là quá rộng, gây khó khăn trong công tác quản lý hành chính, an ninh trật tự, qui hoạch phát kinh tế - xã hội. Về vị trí địa lý xã Tịnh Kỳ nằm ở phía Đông Bắc thành phố Quảng Ngãi có địa hình khá cách trở chỉ tiếp giáp một phần với xã Tịnh Khê và quốc lộ 24B bằng cầu Khê Kỳ và bị chia cắt với xã Tịnh Hòa và Bình Châu bởi dòng sông Bài Ca, do đó không có giao thông đường bộ kết nối với các xã trong cụm sáp nhập. Nếu nhập xã Tịnh Kỳ với các xã Bình Hiệp, Bình Thanh, Bình Tân Phú, Bình Châu, Tịnh Hoà cử tri lo ngại rằng sẽ không thuận lợi, ảnh hưởng đến đời sống của người dân, cụ thể như sau:

- Việc nhập xã Tịnh Kỳ thuộc TP.Quảng Ngãi hiện nay vào xã Đông Sơn (mới), như vậy thì xã Tịnh Kỳ sẽ rất “lẻ loi”, như “một ốc đảo” của Đông Sơn, bởi xã Tịnh Kỳ với xã Tịnh Hòa và Bình Châu không tiếp giáp về đường bộ, người dân xã Tịnh Kỳ nếu muốn đến trung tâm xã Đông Sơn (mới) thì phải đi vòng qua địa bàn xã Tịnh Khê (với khoảng cách từ trung tâm xã Tịnh Kỳ đến trụ sở UBND xã Đông Sơn là 14km) vì không có con đường nào khác, điều này gây rất nhiều bất tiện trong việc đi lại tiếp cận dịch vụ hành chính cũng như tổ chức quản lý sau khi sáp nhập; làm tăng thời gian giải quyết công việc, tăng chi phí tuân thủ của người dân khi làm thủ tục, dẫn đến tăng chi phí chung của xã hội sau sắp xếp. Khoảng cách di chuyển xa cũng là trở ngại rất lớn cho những người yếu thế, người già neo đơn, người có khuyết tật trong tiếp cận dịch vụ hành chính.

- Tịnh Kỳ là khu vực biên giới biển là xã trọng điểm về quốc phòng, nằm trong khu vực mục tiêu phòng thủ chủ yếu của tỉnh; về định hướng phát triển, Tịnh Kỳ là xã ven biển có nhiều tiềm năng về du lịch, kinh tế biển và dịch vụ. **Trong khi đó**, một số xã trong cụm sáp nhập như Bình Hiệp, Bình Thanh lại đang quy hoạch phát triển công nghiệp với sự hình thành các khu công nghiệp lớn. Việc kết hợp các xã có định hướng phát triển quá khác nhau sẽ làm mất đi tính tập trung, khó tạo được sự đồng thuận và phát huy hiệu quả. Nếu nhập xã Tịnh Kỳ

với xã nêu trên sẽ dẫn đến nguy cơ gây mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Về mặt văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt cũng như sự liên kết về tâm tư tình cảm qua nhiều thế hệ, người dân Tịnh Kỳ từ lâu đã có sự gắn bó, liên kết tự nhiên với xã Tịnh Khê. Nếu nhập xã Tịnh Kỳ và xã Bình Hiệp, Bình Thanh, Bình Tân Phú, Bình Châu, Tịnh Hoà để thành lập xã Đông Sơn (mới) – một đơn vị không có sự liên thông hạ tầng và kết nối thực tế, thì việc học tập, sinh hoạt, giao tiếp xã hội của người dân sẽ gặp nhiều khó khăn và thiệt thòi, có thể dẫn đến những xáo trộn trong đời sống văn hóa, sinh hoạt cộng đồng.

- Đề xuất xem xét nhập Tịnh Kỳ về với Tịnh Khê và các xã của thành phố hiện nay, hoặc nhập 03 xã Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ và Bình Châu thành một xã mới.

Tại điểm bỏ phiếu lấy cử tri ở các thôn của Tịnh Kỳ, lãnh đạo Thành ủy và lãnh đạo UBND thành phố đã tham dự, sau khi lắng nghe ý kiến phát biểu của cử tri đã có giải thích, trao đổi và thông tin lại cho cử tri hiểu rõ cơ sở của việc sắp xếp Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa về phía Khu kinh tế Dung Quất, thông tin thêm về hạ tầng giao thông theo quy hoạch phân khu 1/2000 và định hướng về công tác tổ chức mô hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân theo hướng phân tán sau khi nhập các xã, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình... để giải thích, trả lời cho các vấn đề cử tri nêu ra. Sau khi nghe công khai thông tin, các cử tri không có ý kiến gì thêm, nhưng kết quả bỏ phiếu vẫn thể hiện phần lớn cử tri xã Tịnh Kỳ không đồng tình.

Do đó, UBND xã Tịnh Kỳ có ý kiến đề xuất, kiến nghị như sau: Để tạo sự đồng thuận cao của cử tri và nhân dân trong toàn xã đối với việc sáp nhập xã Tịnh Kỳ, kính đề nghị cấp có thẩm quyền cân nhắc đối với phương án “**sáp nhập xã Tịnh Kỳ với các xã Tịnh Khê, Tịnh Châu, Tịnh Thiện, Tịnh Long**” hoặc “**sáp nhập xã Tịnh Kỳ với xã Tịnh Hoà và Bình Châu**” thành 01 đơn vị hành chính mới để dễ tổ chức giao thông, quản lý địa bàn chặt chẽ, giữ vững truyền thống, lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán; ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội, cũng như sinh hoạt của nhân dân.

2.2. Cử tri xã Tịnh Hòa: Có 57 ý kiến, trong đó:

- Có 25 ý kiến không thống nhất sáp nhập 06 xã như trong Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp xã tỉnh Quảng Ngãi, đề nghị **nhập 03 xã: Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ và Bình Châu để thành lập 01 ĐVHC xã mới.**

- Có 32 ý kiến cho rằng đặt trụ sở ĐVHC mới tại xã Bình Tân Phú (Bình Phú cũ) là quá xa, không thuận tiện cho việc đi lại giải quyết TTHC cho người dân.

2.3. Cử tri xã Tịnh Ấn Tây có 02 ý kiến:

- 01 ý kiến về nội dung: Thực hiện dân chủ còn mang tính hình thức vì không đủ thời gian để trình bày quan điểm của dân.

- 01 ý kiến về nội dung: Nhập 04 xã (phường) rộng quá, đề nghị nhập 03 xã (phường) là hợp lý hơn.

2.4. Cử tri xã Tịnh Long có 04 ý kiến như sau:

- 01 ý kiến đề nghị đặt tên xã là Mỹ Khê hoặc tên một vị tướng, 02 ý kiến đề nghị đặt tên là xã Tịnh Long.
- 01 ý kiến đề nghị đặt trụ sở làm việc tại xã Tịnh Long.

2.5. Cử tri xã Nghĩa Dũng có 12 ý kiến như sau:

- 11 ý kiến không thống nhất đặt tên xã An Phú, trong đó có 02 ý kiến đề nghị đặt tên xã mới là xã Nghĩa Dũng, vì có Khu di tích Bốn dũng sỹ Nghĩa Dũng được xếp hạng di tích cấp tỉnh.
- 01 ý kiến đề nghị nhập xã Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng và phường Nghĩa Chánh lấy tên Phường Chánh Đông.

2.6. Cử tri xã An Phú có 05 ý kiến như sau:

- 03 ý kiến đề nghị: Sau khi sáp nhập, đề nghị chọn trụ sở làm việc của ĐVHC mới là UBND xã tại xã Nghĩa Hà (hiện nay) vì có vị trí trung tâm, dân số 02 xã An Phú và Nghĩa Hà chiếm $\frac{3}{4}$ trên tổng dân số sau khi sáp nhập xã nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia giải quyết thủ tục hành chính.
- 01 ý kiến đề nghị: Tên xã mới sau khi sáp nhập, nên có từ Nghĩa ở trước (Ví dụ: Nghĩa...) không trùng lặp với các địa phương khác trong tỉnh.
- 01 ý kiến đề nghị: Những cơ sở dôi dư nên sử dụng làm nơi vui chơi cho trẻ em và người cao tuổi.

2.7. Cử tri phường Quảng Phú có 03 ý kiến như sau:

- 01 ý kiến không đồng ý, vì chưa thật sự hợp lý.
- 01 ý kiến không đồng ý, đề xuất tên phường Trường Xuân hoặc phường Thạch Bích.
- 01 ý kiến không đồng ý, vì địa bàn rộng quá.

2.8. Cử tri phường Nguyễn Nghiêm có 05 ý kiến như sau:

Không thống nhất đặt tên phường Cẩm Thành, đề nghị đặt tên phường Trần Hưng Đạo.

2.9. Cử tri Phường Trần Hưng Đạo có 1 ý kiến như sau:

Không đồng ý Đề án sáp nhập phường, vì không thống nhất sáp nhập phường Chánh Lộ, đề nghị sáp nhập phường Lê Hồng Phong với 3 phường còn lại thành phường mới.

2.10. Cử tri Phường Trương Quang Trọng có một số ý kiến:

- Đề nghị trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND và Ủy ban MTTQVN, các hội đoàn thể sau sáp nhập nên bố trí làm việc chung một địa điểm tại Ủy ban phường Trương Quang Trọng; nhằm thuận tiện cho công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và tạo điều kiện cho việc hội ý, trao đổi, xin ý kiến lãnh đạo trước khi triển khai thực hiện.

- Đề nghị các cấp cần quan tâm đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi kết thúc hoạt động, bị nghỉ việc thì có chính sách hỗ trợ để ổn

định đời sống, và người có văn bằng đại học chính quy thì nên xem xét bố trí công tác để tránh lãng phí nguồn nhân lực.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri liên quan đến hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh, sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp xã trên địa bàn thành phố, UBND Thành phố kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Thành viên UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy;
- BTT Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các tổ chức CT-XH thành phố;
- VP HĐND và UBND thành phố;
- Phòng Nội vụ thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trà Thanh Danh

ỦY BAN NHÂN DÂN				CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM							
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI				Độc lập - Tự do - Hạnh phúc							
THÔNG KÊ TÌNH HÌNH CỬ TRI THAM GIA LẤY Ý KIẾN (kèm Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 21/4/2025 của UBND thành phố)											
Mẫu 14											
STT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Tình trạng phiếu lấy ý kiến đối với từng cử tri đại diện hộ gia đình		Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC				Ghi chú
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Hợp lệ	Không hợp lệ	Đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	
1	2	3	4	5=4/3*100	6 = 8+10	7	8	9=8/6*100	10	11=10/6*100	12
A	Đối với Đề án cấp tỉnh	Thành lập tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi									
I	Thành phố Quảng Ngãi										
1	Xã Tịnh Khê	3,583	3,421	95.5%	3,403	18	3,403	100.0%	0	0.00%	
2	Xã Tịnh Long	2,016	1,905	94.5%	1,899	6	1,898	99.9%	1	0.05%	
3	Xã Tịnh Thiện	1,979	1,866	94.3%	1,866	0	1,858	99.6%	8	0.43%	
4	Xã Tịnh Châu	1,749	1,688	96.5%	1,688	0	1,681	99.6%	7	0.41%	
5	Phường Trương Quang Trọng	4,509	4,341	96.3%	4,336	5	4,307	99.3%	29	0.67%	
6	Xã Tịnh Ấn Tây	2,633	2,324	88.3%	2,324	0	2,320	99.8%	4	0.17%	
7	Xã Tịnh Ấn Đông	1,722	1,722	100.0%	1,721	1	1,719	99.9%	2	0.12%	
8	Xã Tịnh An	2,243	2,103	93.8%	2,103	0	2,098	99.8%	5	0.24%	
9	Xã An Phú	6,129	5,981	97.6%	5,968	13	5,931	99.4%	37	0.62%	
10	Xã Nghĩa Hà	3,594	3,594	100.0%	3,594	0	3,545	98.6%	49	1.36%	
11	Xã Nghĩa Đông	2,719	2,373	87.3%	2,363	10	2,328	98.5%	35	1.48%	
12	Xã Nghĩa Dũng	2,103	1,894	90.1%	1,894	0	1,892	99.9%	2	0.11%	
13	Phường Trần Hưng Đạo	2,215	2,164	97.7%	2,164	0	2,164	100.0%	0	0.00%	
14	Phường Nguyễn Nghiêm	2,154	1,796	83.4%	1,796	0	1,796	100.00%	0	0.00%	
15	Phường Chánh Lộ	4,007	3,723	92.9%	3,723	0	3,723	100.00%	0	0.00%	
16	Phường Nghĩa Chánh	4,684	3,381	72.2%	3,381	0	3,380	99.97%	1	0.03%	
17	Phường Lê Hồng Phong	2,508	2,373	94.6%	2,373	0	2,362	99.54%	11	0.46%	
18	Phường Trần Phú	4,351	3,995	91.8%	3,995	0	3,984	99.72%	11	0.28%	
19	Phường Quảng Phú	6,157	5,869	95.3%	5,869	0	5,851	99.69%	18	0.31%	
20	Phường Nghĩa Lộ	5,402	4,505	83.4%	4,505	0	4,494	99.76%	11	0.24%	
21	Xã Tịnh Hòa	2,723	2,723	100.0%	2,720	3	2,703	99.38%	17	0.63%	
22	Xã Tịnh Kỳ	2,365	2,365	100.0%	2,365	0	2,345	99.15%	20	0.85%	
	TỔNG CỘNG	71,545	66,106	92.4%	66,050	56	65,782	99.59%	268	0.41%	
B	Đối với Đề án cấp cơ sở										
I	Thành phố Quảng Ngãi	71,545	66,106	92.4%	66,059	47	63,046	95.4%	3,013	4.6%	
1	Xã Tịnh Khê	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập 04 xã:Tịnh Châu, Tịnh Thiện, Tịnh Long, Tịnh Khê									

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Tình trạng phiếu lấy ý kiến đối với từng cử tri đại diện hộ gia đình		Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC				Ghi chú
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Hợp lệ	Không hợp lệ	Đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	
1.1	Xã Tịnh Khê	3,583	3,421	95.5%	3,403	18	3,397	99.82%	6	0.18%	
1.2	Xã Tịnh Long	2,016	1,905	94.5%	1,899	6	1,891	99.58%	8	0.42%	
1.3	Xã Tịnh Thiện	1,979	1,866	94.3%	1,866	0	1,850	99.14%	16	0.86%	
1.4	Xã Tịnh Châu	1,749	1,688	96.5%	1,688	0	1,680	99.53%	8	0.47%	
	TỔNG CỘNG	9,327	8,880	95.2%	8,856	24	8,818	99.57%	38	0.43%	
2	Phường Trương Quang Trọng	Thành lập phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập 01 phường, 03 xã: Trương Quang Trọng, Tịnh Ấn Tây, Tịnh Ấn Đông, Tịnh An									
2.1	Phường Trương Quang Trọng	4,509	4,341	96.3%	4,336	5	4,311	99.42%	25	0.58%	
2.2	Xã Tịnh Ấn Tây	2,633	2,324	88.3%	2,324	0	2,320	99.83%	4	0.17%	
2.3	Xã Tịnh Ấn Đông	1,722	1,722	100.0%	1,721	1	1,719	99.88%	2	0.12%	
2.4	Xã Tịnh An	2,243	2,103	93.8%	2,103	0	2,098	99.76%	5	0.24%	
	TỔNG CỘNG	11,107	10,490	94.4%	10,484	6	10,448	99.66%	36	0.34%	
3	Xã An Phú	Thành xã An Phú trên cơ sở nhập 04 xã: Nghĩa Đồng, Nghĩa Dũng, Nghĩa Hà, An Phú									
3.1	Xã An Phú	6,129	5,981	97.6%	5,968	13	5,928	99.33%	40	0.67%	
3.2	Xã Nghĩa Hà	3,594	3,594	100.0%	3,594	0	3,542	98.55%	52	1.45%	
3.3	Xã Nghĩa Đồng	2,719	2,373	87.3%	2,372	1	2,224	93.76%	148	6.24%	
3.4	Xã Nghĩa Dũng	2,103	1,894	90.1%	1,894	0	1,882	99.37%	12	0.63%	
	TỔNG CỘNG	14,545	13,842	95.2%	13,828	14	13,576	98.18%	252	1.82%	
4	Phường Cẩm Thành	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập 04 phường: Nguyễn Nghiêm, Chánh Lộ, Nghĩa Chánh, Trần Hưng Đạo									
4.1	Phường Trần Hưng Đạo	2,215	2,164	97.7%	2,164	0	2,163	99.95%	1	0.05%	
4.2	Phường Nguyễn Nghiêm	2,154	1,796	83.4%	1,796	0	1,791	99.72%	5	0.28%	
4.3	Phường Chánh Lộ	4,007	3,723	92.9%	3,723	0	3,723	100.00%	0	0.00%	
4.4	Phường Nghĩa Chánh	4,684	3,381	72.2%	3,381	0	3,379	99.94%	2	0.06%	
	TỔNG CỘNG	13,060	11,064	84.7%	11,064	0	11,056	99.93%	8	0.07%	
5	Phường Nghĩa Lộ	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập 04 phường: Lê Hồng Phong, Trần Phú, Nghĩa Lộ, Quảng Phú									
5.1	Phường Lê Hồng Phong	2,508	2,373	94.6%	2,373	0	2,304	97.09%	69	2.91%	
5.2	Phường Trần Phú	4,351	3,995	91.8%	3,995	0	3,956	99.02%	39	0.98%	
5.3	Phường Quảng Phú	6,157	5,869	95.3%	5,869	0	5,841	99.52%	28	0.48%	
5.4	Phường Nghĩa Lộ	5,402	4,505	83.4%	4,505	0	4,482	99.49%	23	0.51%	
	TỔNG CỘNG	18,418	16,742	90.9%	16,742	0	16,583	99.05%	159	0.95%	
6	Đơn vị 6 (đưa về KKT Dung Quất)	Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập 06 xã: Bình Hiệp, Bình Thanh, Bình Tân Phú, Bình Châu, Tịnh Hoà, Tịnh Kỳ									
6.1	Xã Tịnh Hoà	2,723	2,723	100%	2,720	3	2,434	89.49%	286	10.51%	
6.2	Xã Tịnh Kỳ	2,365	2,365	100%	2,365	0	131	5.54%	2,234	94.46%	
	TỔNG CỘNG	5,088	5,088	100%	5,085	3	2,565	50.44%	2,520	49.56%	

ỦY BAN NHÂN DÂN		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM									
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc									
THÔNG KÊ TÌNH HÌNH CỬ TRI THAM GIA LẤY Ý KIẾN											
Lần 1: UBND cấp xã báo cáo trước 9h00; Phòng Nội vụ báo cáo trước 9h30											
Lần 2: UBND cấp xã báo cáo trước 11h00; Phòng Nội vụ báo cáo trước 11h30											
Lần 3: Ngay khi kết thúc Hội nghị											
STT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Tình trạng phiếu lấy ý kiến đối với từng cử tri đại diện hộ gia đình		Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã				Ghi chú
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Hợp lệ	Không hợp lệ	Đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	
1	2	3	4	5=4/3*100	6 = 8+10	7	8	9=8/6*100	10	11=10/6*100	12
B	Đối với Đề án cấp cơ sở										
I	Thành phố Quảng Ngãi										
1	Xã Tịnh Khê	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập 04 xã: Tịnh Châu, Tịnh Thiện, Tịnh Long, Tịnh Khê									
1	Xã Tịnh Khê	3583	3421	95%	3403	18	3397	99.82%	6	0.18%	
1.1	Thôn Trường Định	638	616	97%	616	0	616	100.00%	0	0.00%	
1.2	Thôn Tư Cung	702	656	93%	638	18	638	100.00%	0	0.00%	
1.3	Thôn Mỹ Lại	1006	991	99%	991	0	991	100.00%	0	0.00%	
1.4	Thôn Cô Lũy	1237	1158	94%	1158	0	1152	99.48%	6	0.52%	
2	Xã Tịnh Long	2016	1905	94%	1899	6	1891	99.58%	8	0.42%	
2.1	Thôn Gia Hòa	590	586	99%	586	0	580	98.98%	6	1.02%	
2.2	Thôn Tăng Long	506	441	87%	438	3	438	100.00%	0	0.00%	
2.3	Thôn An Lộc	480	454	95%	454	0	454	100.00%	0	0.00%	
2.4	Thôn An Đạo	440	424	96%	421	3	419	99.52%	2	0.48%	
3	Xã Tịnh Thiện	1979	1866	94%	1866	0	1850	99.14%	16	0.86%	
3.1	Thôn Hòa Bân	685	620	91%	620	0	617	99.52%	3	0.48%	
3.2	Thôn Long Thành	629	617	98%	617	0	604	97.89%	13	2.11%	
3.3	Thôn Khánh Lâm	393	380	97%	380	0	380	100.00%	0	0.00%	
3.4	Thôn Phú Vinh	272	249	92%	249	0	249	100.00%	0	0.00%	
4	Xã Tịnh Châu	1749	1688	97%	1688	0	1680	99.53%	8	0.47%	

4.1	Thôn Phú Bình	996	991	99%	991	0	990	99.90%	1	0.10%	
4.2	Thôn Kim Lộc	286	258	90%	258	0	256	99.22%	2	0.78%	
4.3	Thôn Mỹ Lệ	467	439	94%	439	0	434	98.86%	5	1.14%	
2	Phường Trương Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập 01 phường, 03 xã: Trương Quang Trọng, Tịnh Ấn Tây, Tịnh Ấn Đông									
1	Phường Trương Quang Trọng	4509	4341	96%	4336	5	4311	99.42%	25	0.58%	4341
1.1	Tổ dân phố Liên Hiệp 1A	386	375	97%	375	0	375	100.00%	0	0.00%	
1.2	Tổ dân phố Liên Hiệp 1B	413	392	95%	388	4	388	100.00%	0	0.00%	
1.3	Tổ dân phố Liên Hiệp 1C	264	264	100%	264	0	264	100.00%	0	0.00%	
1.4	Tổ dân phố Liên Hiệp 2B	389	383	98%	382	1	382	100.00%	0	0.00%	
1.5	Tổ dân phố Liên Hiệp 2A	170	152	89%	152	0	152	100.00%	0	0.00%	
1.6	Tổ dân phố Liên Hiệp 2C	270	265	98%	265	0	264	99.62%	1	0.38%	
1.7	Tổ dân phố Trường Thọ Đông B	502	502	100%	502	0	502	100.00%	0	0.00%	
1.8	Tổ dân phố Trường Thọ Đông A	442	439	99%	439	0	439	100.00%	0	0.00%	
1.9	Tổ dân phố Trường Thọ Tây A	419	419	100%	419	0	419	100.00%	0	0.00%	
1.10	Tổ dân phố Trường Thọ Tây B	340	340	100%	340	0	340	100.00%	0	0.00%	
1.11	Tổ dân phố Trường Thọ Tây C	410	391	95%	391	0	391	100.00%	0	0.00%	
1.12	Tổ dân phố Quyết Thắng	504	419	83%	419	0	395	94.27%	24	5.73%	
2	Xã Tịnh Ấn Tây	2633	2324	88%	2324	0	2320	99.83%	4	0.17%	
2.1	Thôn Thống Nhất	831	719	87%	719	0	719	100.00%	0	0.00%	
2.2	Thôn Cộng Hòa 1	674	590	88%	590	0	586	99.32%	4	0.68%	
2.3	Thôn Cộng Hòa 2	571	505	88%	505	0	505	100.00%	0	0.00%	
2.4	Thôn Độc Lập	557	510	92%	510	0	510	100.00%	0	0.00%	
3	Xã Tịnh Ấn Đông	1722	1722	100%	1721	1	1719	99.88%	2	0.12%	
3.1	Thôn Hòa Bình	424	424	100%	424	0	424	100.00%	0	0.00%	
3.2	Thôn Hạnh Phúc	281	281	100%	280	1	278	99.29%	2	0.71%	
3.3	Thôn Đoàn Kết	303	303	100%	303	0	303	100.00%	0	0.00%	
3.4	Thôn Bình Đăng	345	345	100%	345	0	345	100.00%	0	0.00%	
3.5	Thôn Độc Lập	169	169	100%	169	0	169	100.00%	0	0.00%	
3.6	Thôn Tự Do	200	200	100%	200	0	200	100.00%	0	0.00%	
4	Xã Tịnh An	2243	2103	94%	2103	0	2098	99.76%	5	0.24%	
4.1	Thôn Ấn Phú	274	274	100%	274	0	274	100.00%	0	0.00%	
4.2	Thôn Ngọc Thạch	459	459	100%	459	0	459	100.00%	0	0.00%	
4.3	Thôn Long Bàn	896	804	90%	804	0	799	99.38%	5	0.62%	
4.4	Thôn Tân Mỹ	614	566	92%	566	0	566	100.00%	0	0.00%	
3	Xã An Phú	Thành xã An Phú trên cơ sở nhập 04 xã: Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng, Nghĩa Hà, An Phú									
1	Xã An Phú	6129	5981	98%	5968	13	5928	99.33%	40	0.67%	
1.1	Thôn Phố Trường	697	697	100%	695	2	694	99.86%	1	0.14%	

1.2	Thôn Phổ An	630	608	97%	608	0	606	99.67%	2	0.33%	
1.3	Thôn Phổ Trung	786	771	98%	771	0	762	98.83%	9	1.17%	
1.4	Thôn Tân An	933	914	98%	914	0	913	99.89%	1	0.11%	
1.5	Thôn Tân Mỹ	655	630	96%	630	0	630	100.00%	0	0.00%	
1.6	Thôn Tân Thạnh	675	642	95%	642	0	642	100.00%	0	0.00%	
1.7	Thôn Thanh An - Phú Thọ	502	494	98%	494	0	484	97.98%	10	2.02%	
1.8	Thôn Cổ Luỹ Bắc - Vĩnh Thọ	405	403	100%	401	2	392	97.76%	9	2.24%	
1.9	Thôn Cổ Luỹ Làng Cá	331	331	100%	329	2	329	100.00%	0	0.00%	
1.10	Thôn Cổ Luỹ Nam	515	491	95%	484	7	476	98.35%	8	1.65%	
2	Xã Nghĩa Hà	3594	3594	100%	3594	0	3542	98.55%	52	1.45%	
2.1	Thôn Bình Tây	266	266	100%	266	0	266	100.00%	0	0.00%	
2.2	Thôn Kim Thạch	764	764	100%	764	0	733	95.94%	31	4.06%	
2.3	Thôn Xuân An	184	184	100%	184	0	183	99.46%	1	0.54%	
2.4	Thôn Bình Đông	342	342	100%	342	0	341	99.71%	1	0.29%	
2.5	Thôn Hàm Long	278	278	100%	278	0	278	100.00%	0	0.00%	
2.6	Thôn Sung Túc	192	192	100%	192	0	189	98.44%	3	1.56%	
2.7	Thôn Thanh Khiết	192	192	100%	192	0	190	98.96%	2	1.04%	
2.8	Thôn Hồ Tiểu	306	306	100%	306	0	301	98.37%	5	1.63%	
2.9	Thôn Hiền Lương	267	267	100%	267	0	264	98.88%	3	1.12%	
2.10	Thôn Khánh Lạc	448	448	100%	448	0	448	100.00%	0	0.00%	
2.11	Thôn Hội An	355	355	100%	355	0	349	98.31%	6	1.69%	
3	Xã Nghĩa Đông	2719	2373	87%	2372	1	2224	93.76%	148	6.24%	
3.1	Thôn 1	631	605	96%	605	0	494	81.65%	111	18.35%	
3.2	Thôn 2	818	672	82%	672	0	666	99.11%	6	0.89%	
3.3	Thôn 3	667	612	92%	611	1	610	99.84%	1	0.16%	
3.4	Thôn 4	603	484	80%	484	0	454	93.80%	30	6.20%	
4	Xã Nghĩa Dũng	2103	1894	90%	1894	0	1882	99.37%	12	0.63%	
4.1	Thôn 1	350	318	91%	318	0	318	100.00%	0	0.00%	
4.2	Thôn 2	383	359	94%	359	0	359	100.00%	0	0.00%	
4.3	Thôn 3	415	379	91%	279	0	276	98.92%	3	1.08%	
4.4	Thôn 4	365	301	82%	301	0	301	100.00%	0	0.00%	
4.5	Thôn 5	284	234	82%	234	0	234	100.00%	0	0.00%	
4.6	Thôn 6	306	303	99%	303	0	294	97.03%	9	2.97%	
4	Phường Cẩm Thành	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập 04 phường: Nguyễn Nghiêm, Chánh Lộ, Nghĩa Chánh, Trần Hưng Đạo									
1	Phường Trần Hưng Đạo	2215	2164	98%	2164	0	2163	99.95%	1	0.05%	
1.1	Tổ dân phố 1	562	535	95%	535	0	534	99.81%	1	0.19%	
1.2	Tổ dân phố 2	573	573	100%	573	0	573	100.00%	0	0.00%	

1.3	Tổ dân phố 3	333	333	100%	333	0	333	100.00%	0	0.00%	
1.4	Tổ dân phố 4	238	238	100%	238	0	238	100.00%	0	0.00%	
1.5	Tổ dân phố 5	509	485	95%	485	0	485	100.00%	0	0.00%	
2	Phường Nguyễn Nghiêm	2154	1796	83%	1796	0	1791	99.72%	5	0.28%	
2.1	Tổ dân phố 1	587	557	95%	557	0	557	100.00%	0	0.00%	
2.2	Tổ dân phố 2	540	392	73%	392	0	389	99.23%	3	0.77%	
2.3	Tổ dân phố 3	509	453	89%	453	0	451	99.56%	2	0.44%	
2.4	Tổ dân phố 4	518	394	76%	394	0	394	100.00%	0	0.00%	
3	Phường Chánh Lộ	4007	3723	93%	3723	0	3723	100.00%	0	0.00%	
3.1	Tổ dân phố 1	507	466	92%	466	0	466	100.00%	0	0.00%	
3.2	Tổ dân phố 2	512	469	92%	469	0	469	100.00%	0	0.00%	
3.3	Tổ dân phố 3	513	482	94%	482	0	482	100.00%	0	0.00%	
3.4	Tổ dân phố 4	667	608	91%	608	0	608	100.00%	0	0.00%	
3.5	Tổ dân phố 5	318	318	100%	318	0	318	100.00%	0	0.00%	
3.6	Tổ dân phố 6	398	368	92%	368	0	368	100.00%	0	0.00%	
3.7	Tổ dân phố 7	508	467	92%	467	0	467	100.00%	0	0.00%	
3.8	Tổ dân phố 8	584	545	93%	545	0	545	100.00%	0	0.00%	
4	Phường Nghĩa Chánh	4684	3381	72%	3381	0	3379	99.94%	2	0.06%	
4.1	Tổ dân phố số 01	709	484	68%	484	0	483	99.79%	1	0.21%	
4.2	Tổ dân phố số 02	609	403	66%	403	0	403	100.00%	0	0.00%	
4.3	Tổ dân phố số 03	488	413	85%	413	0	413	100.00%	0	0.00%	
4.4	Tổ dân phố số 04	669	548	82%	548	0	548	100.00%	0	0.00%	
4.5	Tổ dân phố số 05	443	271	61%	271	0	271	100.00%	0	0.00%	
4.6	Tổ dân phố số 06	644	429	67%	429	0	428	99.77%	1	0.23%	
4.7	Tổ dân phố số 07	823	579	70%	579	0	579	100.00%	0	0.00%	
4.8	Tổ dân phố số 08	299	254	85%	254	0	254	100.00%	0	0.00%	
5	Phường Nghĩa Lộ	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập 04 phường: Lê Hồng Phong, Trần Phú, Nghĩa Lộ, Quảng Phú									
1	Phường Lê Hồng Phong	2508	2373	95%	2373	0	2304	97.09%	69	2.91%	
1.1	Tổ dân phố 1	697	697	100%	697	0	666	95.55%	31	4.45%	
1.2	Tổ dân phố 2	373	346	93%	346	0	335	96.82%	11	3.18%	
1.3	Tổ dân phố 3	334	307	92%	307	0	302	98.37%	5	1.63%	
1.4	Tổ dân phố 4	335	335	100%	335	0	335	100.00%	0	0.00%	
1.5	Tổ dân phố 5	483	402	83%	402	0	381	94.78%	21	5.22%	
1.6	Tổ dân phố 6	286	286	100%	286	0	285	99.65%	1	0.35%	
2	Phường Trần Phú	4351	3995	92%	3995	0	3956	99.02%	39	0.98%	
2.1	Tổ dân phố số 01	391	351	90%	351	0	349	99.43%	2	0.57%	
2.2	Tổ dân phố số 02	528	503	95%	503	0	502	99.80%	1	0.20%	

2.3	Tổ dân phố số 03	332	243	73%	243	0	237	97.53%	6	2.47%	
2.4	Tổ dân phố số 04	440	426	97%	426	0	424	99.53%	2	0.47%	
2.5	Tổ dân phố số 05	355	355	100%	355	0	353	99.44%	2	0.56%	
2.6	Tổ dân phố số 06	591	480	81%	480	0	477	99.38%	3	0.63%	
2.7	Tổ dân phố số 07	466	416	89%	416	0	409	98.32%	7	1.68%	
2.8	Tổ dân phố số 08	324	297	92%	297	0	292	98.32%	5	1.68%	
2.9	Tổ dân phố số 09	525	525	100%	525	0	520	99.05%	5	0.95%	
2.10	Tổ dân phố số 10	399	399	100%	399	0	393	98.50%	6	1.50%	
3	Phường Quảng Phú	6157	5869	95%	5869	0	5841	99.52%	28	0.48%	
3.1	Tổ dân phố số 01	580	492	85%	492	0	492	100.00%	0	0.00%	
3.2	Tổ dân phố số 02	520	520	100%	520	0	520	100.00%	0	0.00%	
3.3	Tổ dân phố số 03	519	519	100%	519	0	518	99.81%	1	0.19%	
3.4	Tổ dân phố số 04	700	692	99%	692	0	692	100.00%	0	0.00%	
3.5	Tổ dân phố số 05	635	575	91%	575	0	572	99.48%	3	0.52%	
3.6	Tổ dân phố số 06	665	613	92%	613	0	604	98.53%	9	1.47%	
3.7	Tổ dân phố số 07	726	673	93%	673	0	665	98.81%	8	1.19%	
3.8	Tổ dân phố số 08	511	495	97%	495	0	494	99.80%	1	0.20%	
3.9	Tổ dân phố số 09	682	682	100%	682	0	681	99.85%	1	0.15%	
3.10	Tổ dân phố số 10	619	608	98%	608	0	603	99.18%	5	0.82%	
4	Phường Nghĩa Lộ	5402	4505	83%	4505	0	4482	99.49%	23	0.51%	
4.1	Tổ dân phố số 01	647	596	92%	596	0	596	100.00%	0	0.00%	
4.2	Tổ dân phố số 02	931	814	87%	814	0	814	100.00%	0	0.00%	
4.3	Tổ dân phố số 03	980	723	74%	723	0	703	97.23%	20	2.77%	
4.4	Tổ dân phố số 04	552	431	78%	431	0	431	100.00%	0	0.00%	
4.5	Tổ dân phố số 05	577	473	82%	473	0	471	99.58%	2	0.42%	
4.6	Tổ dân phố số 06	507	471	93%	471	0	471	100.00%	0	0.00%	
4.7	Tổ dân phố số 07	562	412	73%	412	0	411	99.76%	1	0.24%	
4.8	Tổ dân phố số 08	646	585	91%	585	0	585	100.00%	0	0.00%	
6	Đơn vị 6 (đưa về KKT Dung Quất) thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập 06 xã: Bình Hiệp, Bình Thanh, Bình Tân Phú, Bình Châu, Tịnh Hoà, Tịnh Kỳ										
1	Xã Tịnh Hòa	2723	2723	100%	2720	3	2434	89.49%	286	10.51%	
1.1	Thôn Diêm Điền	348	348	100%	345	3	337	97.68%	8	2.32%	
1.2	Thôn Quang Mỹ	563	563	100%	563	0	548	97.34%	15	2.66%	
1.3	Thôn Trung Vĩnh	456	456	100%	456	0	432	94.74%	24	5.26%	
1.4	Thôn Hòa Thuận	705	705	100%	705	0	644	91.35%	61	8.65%	
1.5	Thôn Xuân An	651	651	100%	651	0	473	72.66%	178	27.34%	
2	Xã Tịnh Kỳ	2365	2365	100%	2365	0	131	5.54%	2234	94.46%	
2.1	Thôn Kỳ Xuyên	527	527	100%	527	0	1	0.19%	526	99.81%	

2.2	Thôn An Kỳ	1021	1021	100%	1021	0	90	8.81%	931	91.19%	
2.3	Thôn An Vĩnh	817	817	100%	817	0	40	4.90%	777	95.10%	
	TỔNG CỘNG	71545	66106	92%	66059	47	63046	95.44%	3013	4.56%	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI			CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc								
THÔNG KÊ TÌNH HÌNH CỬ TRI THAM GIA LẤY Ý KIẾN											
Lần 1: UBND cấp xã báo cáo trước 9h00; Phòng Nội vụ báo cáo trước 9h3											
Lần 2: UBND cấp xã báo cáo trước 11h00; Phòng Nội vụ báo cáo trước 11h30											
Lần 3: Ngay khi kết thúc Hội nghị											
STT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Tình trạng phiếu lấy ý kiến đối với từng cử tri đại diện hộ gia đình		Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã				Ghi chú
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Hợp lệ	Không hợp lệ	Đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	
1	2	3	4	5=4/3*100	6 = 8+10	7	8	9=8/6*100	10	11=10/6*100	12
A	Đối với Đề án cấp tỉnh	Thành lập tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi									
1	Xã Tịnh Khê	3583	3421	95%	3403	18	3403	100.00%	0	0.00%	
1.1	Thôn Trường Định	638	616	97%	616	0	616	100.00%	0	0.00%	
1.2	Thôn Tư Cung	702	656	93%	638	18	638	100.00%	0	0.00%	
1.3	Thôn Mỹ Lại	1006	991	99%	991	0	991	100.00%	0	0.00%	
1.4	Thôn Cổ Lũy	1237	1158	94%	1158	0	1158	100.00%	0	0.00%	
2	Xã Tịnh Long	2016	1905	94%	1899	6	1898	99.95%	1	0.05%	
2.1	Thôn Gia Hòa	590	586	99%	586	0	586	100.00%	0	0.00%	
2.2	Thôn Tăng Long	506	441	87%	438	3	438	100.00%	0	0.00%	
2.3	Thôn An Lộc	480	454	95%	454	0	454	100.00%	0	0.00%	
2.4	Thôn An Đạo	440	424	96%	421	3	420	99.76%	1	0.24%	
3	Xã Tịnh Thiện	1979	1866	94%	1866	0	1858	99.57%	8	0.43%	
3.1	Thôn Hòa Bân	685	620	91%	620	0	617	99.52%	3	0.48%	
3.2	Thôn Long Thành	629	617	98%	617	0	612	99.19%	5	0.81%	
3.3	Thôn Khánh Lâm	393	380	97%	380	0	380	100.00%	0	0.00%	
3.4	Thôn Phú Vinh	272	249	92%	249	0	249	100.00%	0	0.00%	
4	Xã Tịnh Châu	1749	1688	97%	1688	0	1681	99.59%	7	0.41%	
4.1	Thôn Phú Bình	996	991	99%	991	0	989	99.80%	2	0.20%	

4.2	Thôn Kim Lộc	286	258	90%	258	0	258	100.00%	0	0.00%	
4.3	Thôn Mỹ Lệ	467	439	94%	439	0	434	98.86%	5	1.14%	
5	Phường Trương Quang Trọng	4509	4341	96%	4336	5	4307	99.33%	29	0.67%	
5.1	Tô dân phố Liên Hiệp 1A	386	375	97%	375	0	375	100.00%	0	0.00%	
5.2	Tô dân phố Liên Hiệp 1B	413	392	95%	388	4	388	100.00%	0	0.00%	
5.3	Tô dân phố Liên Hiệp 1C	264	264	100%	264	0	264	100.00%	0	0.00%	
5.4	Tô dân phố Liên Hiệp 2B	389	383	98%	382	1	381	99.74%	1	0.26%	
5.5	Tô dân phố Liên Hiệp 2A	170	152	89%	152	0	152	100.00%	0	0.00%	
5.6	Tô dân phố Liên Hiệp 2C	270	265	98%	265	0	262	98.87%	3	1.13%	
5.7	Tô dân phố Trường Thọ Đông B	502	502	100%	502	0	502	100.00%	0	0.00%	
5.8	Tô dân phố Trường Thọ Đông A	442	439	99%	439	0	439	100.00%	0	0.00%	
5.9	Tô dân phố Trường Thọ Tây A	419	419	100%	419	0	418	99.76%	1	0.24%	
5.10	Tô dân phố Trường Thọ Tây B	340	340	100%	340	0	340	100.00%	0	0.00%	
5.11	Tô dân phố Trường Thọ Tây C	410	391	95%	391	0	391	100.00%	0	0.00%	
5.12	Tô dân phố Quyết Thắng	504	419	83%	419	0	395	94.27%	24	5.73%	
6	Xã Tịnh An Tây	2633	2324	88%	2324	0	2320	99.83%	4	0.17%	
6.1	Thôn Thống Nhất	831	719	87%	719	0	719	100.00%	0	0.00%	
6.2	Thôn Cộng Hòa 1	674	590	88%	590	0	586	99.32%	4	0.68%	
6.3	Thôn Cộng Hòa 2	571	505	88%	505	0	505	100.00%	0	0.00%	
6.4	Thôn Độc Lập	557	510	92%	510	0	510	100.00%	0	0.00%	
7	Xã Tịnh An Đông	1722	1722	100%	1721	1	1719	99.88%	2	0.12%	
7.1	Thôn Hòa Bình	424	424	100%	424	0	424	100.00%	0	0.00%	
7.2	Thôn Hạnh Phúc	281	281	100%	280	1	278	99.29%	2	0.71%	
7.3	Thôn Đoàn Kết	303	303	100%	303	0	303	100.00%	0	0.00%	
7.4	Thôn Bình Đăng	345	345	100%	345	0	345	100.00%	0	0.00%	
7.5	Thôn Độc Lập	169	169	100%	169	0	169	100.00%	0	0.00%	
7.6	Thôn Tự Do	200	200	100%	200	0	200	100.00%	0	0.00%	
8	Xã Tịnh An	2243	2103	94%	2103	0	2098	99.76%	5	0.24%	
8.1	Thôn An Phú	274	274	100%	274	0	274	100.00%	0	0.00%	
8.2	Thôn Ngọc Thạch	459	459	100%	459	0	459	100.00%	0	0.00%	
8.3	Thôn Long Bàn	896	804	90%	804	0	799	99.38%	5	0.62%	
8.4	Thôn Tân Mỹ	614	566	92%	566	0	566	100.00%	0	0.00%	
9	Xã An Phú	6129	5981	98%	5968	13	5931	99.38%	37	0.62%	
9.1	Thôn Phô Trường	697	697	100%	695	2	694	99.86%	1	0.14%	
9.2	Thôn Phô An	630	608	97%	608	0	606	99.67%	2	0.33%	
9.3	Thôn Phô Trung	786	771	98%	771	0	765	99.22%	6	0.78%	
9.4	Thôn Tân An	933	914	98%	914	0	913	99.89%	1	0.11%	
9.5	Thôn Tân Mỹ	655	630	96%	630	0	630	100.00%	0	0.00%	

9.6	Thôn Tân Thạnh	675	642	95%	642	0	642	100.00%	0	0.00%	
9.7	Thôn Thanh An - Phú Thọ	502	494	98%	494	0	484	97.98%	10	2.02%	
9.8	Thôn Cổ Luỹ Bắc - Vĩnh Thọ	405	403	100%	401	2	392	97.76%	9	2.24%	
9.9	Thôn Cổ Luỹ Làng Cá	331	331	100%	329	2	329	100.00%	0	0.00%	
9.10	Thôn Cổ Luỹ Nam	515	491	95%	484	7	476	98.35%	8	1.65%	
10	Xã Nghĩa Hà	3594	3594	100%	3594	0	3545	98.64%	49	1.36%	
10.1	Thôn Bình Tây	266	266	100%	266	0	266	100.00%	0	0.00%	
10.2	Thôn Kim Thạch	764	764	100%	764	0	733	95.94%	31	4.06%	
10.3	Thôn Xuân An	184	184	100%	184	0	184	100.00%	0	0.00%	
10.4	Thôn Bình Đông	342	342	100%	342	0	339	99.12%	3	0.88%	
10.5	Thôn Hàm Long	278	278	100%	278	0	278	100.00%	0	0.00%	
10.6	Thôn Sung Túc	192	192	100%	192	0	189	98.44%	3	1.56%	
10.7	Thôn Thanh Khiết	192	192	100%	192	0	190	98.96%	2	1.04%	
10.8	Thôn Hồ Tiểu	306	306	100%	306	0	301	98.37%	5	1.63%	
10.9	Thôn Hiền Lương	267	267	100%	267	0	265	99.25%	2	0.75%	
10.10	Thôn Khánh Lạc	448	448	100%	448	0	448	100.00%	0	0.00%	
10.11	Thôn Hội An	355	355	100%	355	0	352	99.15%	3	0.85%	
11	Xã Nghĩa Đông	2719	2373	87%	2363	10	2328	98.52%	35	1.48%	
11.1	Thôn 1	631	605	96%	605	0	594	98.18%	11	1.82%	
11.2	Thôn 2	818	672	82%	663	9	646	97.44%	17	2.56%	
11.3	Thôn 3	667	612	92%	611	1	611	100.00%	0	0.00%	
11.4	Thôn 4	603	484	80%	484	0	477	98.55%	7	1.45%	
12	Xã Nghĩa Dũng	2103	1894	90%	1894	0	1892	99.89%	2	0.11%	
12.1	Thôn 1	350	318	91%	318	0	318	100.00%	0	0.00%	
12.2	Thôn 2	383	359	94%	359	0	359	100.00%	0	0.00%	
12.3	Thôn 3	415	379	91%	379	0	379	100.00%	0	0.00%	
12.4	Thôn 4	365	301	82%	301	0	301	100.00%	0	0.00%	
12.5	Thôn 5	284	234	82%	234	0	234	100.00%	0	0.00%	
12.6	Thôn 6	306	303	99%	303	0	301	99.34%	2	0.66%	
13	Phường Trần Hưng Đạo	2215	2164	98%	2164	0	2164	100.00%	0	0.00%	
13.1	Tổ dân phố 1	562	535	95%	535	0	535	100.00%	0	0.00%	
13.2	Tổ dân phố 2	573	573	100%	573	0	573	100.00%	0	0.00%	
13.3	Tổ dân phố 3	333	333	100%	333	0	333	100.00%	0	0.00%	
13.4	Tổ dân phố 4	238	238	100%	238	0	238	100.00%	0	0.00%	
13.5	Tổ dân phố 5	509	485	95%	485	0	485	100.00%	0	0.00%	
14	Phường Nguyễn Nghiêm	2154	1796	83%	1796	0	1796	100.00%	0	0.00%	
14.1	Tổ dân phố 1	587	557	95%	557	0	557	100.00%	0	0.00%	
14.2	Tổ dân phố 2	540	392	73%	392	0	392	100.00%	0	0.00%	

14.3	Tổ dân phố 3	509	453	89%	453	0	453	100.00%	0	0.00%	
14.4	Tổ dân phố 4	518	394	76%	394	0	394	100.00%	0	0.00%	
15	Phường Chánh Lộ	4007	3723	93%	3723	0	3723	100.00%	0	0.00%	
15.1	Tổ dân phố 1	507	466	92%	466	0	466	100.00%	0	0.00%	
15.2	Tổ dân phố 2	512	469	92%	469	0	469	100.00%	0	0.00%	
15.3	Tổ dân phố 3	513	482	94%	482	0	482	100.00%	0	0.00%	
15.4	Tổ dân phố 4	667	608	91%	608	0	608	100.00%	0	0.00%	
15.5	Tổ dân phố 5	318	318	100%	318	0	318	100.00%	0	0.00%	
15.6	Tổ dân phố 6	398	368	92%	368	0	368	100.00%	0	0.00%	
15.7	Tổ dân phố 7	508	467	92%	467	0	467	100.00%	0	0.00%	
15.8	Tổ dân phố 8	584	545	93%	545	0	545	100.00%	0	0.00%	
16	Phường Nghĩa Chánh	4684	3381	72%	3381	0	3380	99.97%	1	0.03%	
16.1	Tổ dân phố số 01	709	484	68%	484	0	484	100.00%	0	0.00%	
16.2	Tổ dân phố số 02	609	403	66%	403	0	403	100.00%	0	0.00%	
16.3	Tổ dân phố số 03	488	413	85%	413	0	413	100.00%	0	0.00%	
16.4	Tổ dân phố số 04	669	548	82%	548	0	548	100.00%	0	0.00%	
16.5	Tổ dân phố số 05	443	271	61%	271	0	271	100.00%	0	0.00%	
16.6	Tổ dân phố số 06	644	429	67%	429	0	428	99.77%	1	0.23%	
16.7	Tổ dân phố số 07	823	579	70%	579	0	579	100.00%	0	0.00%	
16.8	Tổ dân phố số 08	299	254	85%	254	0	254	100.00%	0	0.00%	
17	Phường Lê Hồng Phong	2508	2373	95%	2373	0	2362	99.54%	11	0.46%	
17.1	Tổ dân phố 1	697	697	100%	697	0	694	99.57%	3	0.43%	
17.2	Tổ dân phố 2	373	346	93%	346	0	342	98.84%	4	1.16%	
17.3	Tổ dân phố 3	334	307	92%	307	0	305	99.35%	2	0.65%	
17.4	Tổ dân phố 4	335	335	100%	335	0	335	100.00%	0	0.00%	
17.5	Tổ dân phố 5	483	402	83%	402	0	400	99.50%	2	0.50%	
17.6	Tổ dân phố 6	286	286	100%	286	0	286	100.00%	0	0.00%	
18	Phường Trần Phú	4351	3995	92%	3995	0	3984	99.72%	11	0.28%	
18.1	Tổ dân phố số 01	391	351	90%	351	0	351	100.00%	0	0.00%	
18.2	Tổ dân phố số 02	528	503	95%	503	0	503	100.00%	0	0.00%	
18.3	Tổ dân phố số 03	332	243	73%	243	0	242	99.59%	1	0.41%	
18.4	Tổ dân phố số 04	440	426	97%	426	0	424	99.53%	2	0.47%	
18.5	Tổ dân phố số 05	355	355	100%	355	0	355	100.00%	0	0.00%	
18.6	Tổ dân phố số 06	591	480	81%	480	0	479	99.79%	1	0.21%	
18.7	Tổ dân phố số 07	466	416	89%	416	0	416	100.00%	0	0.00%	
18.8	Tổ dân phố số 08	324	297	92%	297	0	292	98.32%	5	1.68%	
18.9	Tổ dân phố số 09	525	525	100%	525	0	524	99.81%	1	0.19%	
18.10	Tổ dân phố số 10	399	399	100%	399	0	398	99.75%	1	0.25%	

19	Phường Quảng Phú	6157	5869	95%	5869	0	5851	99.69%	18	0.31%	
19.1	Tổ dân phố số 01	580	492	85%	492	0	492	100.00%	0	0.00%	
19.2	Tổ dân phố số 02	520	520	100%	520	0	520	100.00%	0	0.00%	
19.3	Tổ dân phố số 03	519	519	100%	519	0	519	100.00%	0	0.00%	
19.4	Tổ dân phố số 04	700	692	99%	692	0	692	100.00%	0	0.00%	
19.5	Tổ dân phố số 05	635	575	91%	575	0	572	99.48%	3	0.52%	
19.6	Tổ dân phố số 06	665	613	92%	613	0	613	100.00%	0	0.00%	
19.7	Tổ dân phố số 07	726	673	93%	673	0	665	98.81%	8	1.19%	
19.8	Tổ dân phố số 08	511	495	97%	495	0	494	99.80%	1	0.20%	
19.9	Tổ dân phố số 09	682	682	100%	682	0	681	99.85%	1	0.15%	
19.10	Tổ dân phố số 10	619	608	98%	608	0	603	99.18%	5	0.82%	
20	Phường Nghĩa Lộ	5402	4505	83%	4505	0	4494	99.76%	11	0.24%	
20.1	Tổ dân phố số 01	647	596	92%	596	0	596	100.00%	0	0.00%	
20.2	Tổ dân phố số 02	931	814	87%	814	0	814	100.00%	0	0.00%	
20.3	Tổ dân phố số 03	980	723	74%	723	0	715	98.89%	8	1.11%	
20.4	Tổ dân phố số 04	552	431	78%	431	0	431	100.00%	0	0.00%	
20.5	Tổ dân phố số 05	577	473	82%	473	0	471	99.58%	2	0.42%	
20.6	Tổ dân phố số 06	507	471	93%	471	0	471	100.00%	0	0.00%	
20.7	Tổ dân phố số 07	562	412	73%	412	0	411	99.76%	1	0.24%	
20.8	Tổ dân phố số 08	646	585	91%	585	0	585	100.00%	0	0.00%	
21	Xã Tịnh Hòa	2723	2723	100%	2720	3	2703	99.38%	17	0.63%	
21.1	Thôn Diêm Điền	348	348	100%	345	3	345	100.00%	0	0.00%	
21.2	Thôn Quang Mỹ	563	563	100%	563	0	558	99.11%	5	0.89%	
21.3	Thôn Trung Vĩnh	456	456	100%	456	0	455	99.78%	1	0.22%	
21.4	Thôn Hòa Thuận	705	705	100%	705	0	695	98.58%	10	1.42%	
21.5	Thôn Xuân An	651	651	100%	651	0	650	99.85%	1	0.15%	
22	Xã Tịnh Kỳ	2365	2365	100%	2365	0	2345	99.15%	20	0.85%	
22.1	Thôn Kỳ Xuyên	527	527	100%	527	0	527	100.00%	0	0.00%	
22.2	Thôn An Kỳ	1021	1021	100%	1021	0	1007	98.63%	14	1.37%	
22.3	Thôn An Vĩnh	817	817	100%	817	0	811	99.27%	6	0.73%	
	TỔNG CỘNG	71545	66106	92%	66050	56	65782	99.59%	268	0.41%	